TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC H - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2025
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC H - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Bà Lê Thị Gắn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc D, sinh năm 2004. *(xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp S, xã GT, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Phạm Thanh N, sinh năm 2000. *(xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu phố L, xã GT, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 12/5/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc D trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị và anh N kết hôn vào năm 2023, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn VL, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc xã GT, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì chị phát hiện anh N ngoại tình; từ đó vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cải vã nhau và anh N đánh chị nên chị bỏ đi làm xa, không còn liên lạc với anh N. Đến tháng 5/2024, anh N bị đưa vào Trại cai nghiện ma túy. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 01 người con chung tên Trần Minh N1, sinh ngày 02/10/2022, hiện sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1. Hiện chị đi làm có thu nhập ổn định, trong khi anh N đi cai nghiện nên chị chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2025, bị đơn anh Trần Phạm Thanh N trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh và chị D chung sống với nhau vào đầu năm 2022, do tự nguyện tìm hiểu, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VL. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị D có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Nay chị D xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng anh chung sống có 01 con chung như chị D trình bày, cháu N1 hiện đang sống với chị D. Ly hôn, anh không đồng ý để chị D nuôi con; anh yêu cầu được nuôi cháu N1 và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc D. Cho chị Trần Thị Ngọc D được ly hôn với anh Trần Phạm Thanh N.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Minh N1, sinh ngày 02/10/2022 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn đều xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt hai bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị D, nhận thấy:

- Vợ chồng chị kết hôn vào năm 2023, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn VL, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc xã GT, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 07/02/2023 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Quá trình giải quyết vụ án, anh N và chị D đều xác định trong thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn và nay anh chị thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về nuôi con chung:

- Anh chị chung sống có 01 người con chung tên Trần Minh N1, sinh ngày 02/10/2022. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị D là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, cháu N1 hiện chưa đủ 36 tháng tuổi và được mẹ là chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đã ổn định cuộc sống về mọi mặt; hơn nữa, anh N hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy - Công an tỉnh Đồng Tháp, không đảm bảo điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, việc giao cháu N1 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị D yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: *- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc D. Cho chị Trần Thị Ngọc D được ly hôn với anh Trần Phạm Thanh N.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Minh N1, sinh ngày 02/10/2022. Chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014189 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) nên xem như chị đã nộp xong án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực H - ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- UBND xã GT, tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.